

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ - ST

Ngày 07/3/2018

V/v: *Ly hôn*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Trúc, ông Nguyễn Trọng Tảo

Thư ký Tòa án: Ông Vũ Văn Anh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Y.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Tình.

Ngày 07/3/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 242/2017/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2017 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 242/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Vũ Duy T- Sinh năm 1948

Địa chỉ: T A, TT. L, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Bà Lê Thị B - Sinh năm 1949

Địa chỉ: T A, TT. L, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Ông Thành có mặt, bà Bình vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Vũ Duy T trình bày: Ông và bà Lê Thị B kết hôn với nhau năm 1976, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn một thời gian, vợ chồng về sinh sống tại T A, TT. L, huyện Y, tỉnh Nam Định và sống hạnh phúc được khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, khi mâu thuẫn xảy ra tổ dân phố đã nhiều lần hòa giải nhưng cuộc sống vợ chồng cũng không được cải thiện. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông bà không thể nói chuyện được với nhau. Kể từ năm 2000 đến nay, ông bà chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng. Nay ông xác định không còn tình cảm với bà B nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông bà ly hôn.

Về con chung: Các con ông bà đã trưởng thành và đã có gia đình riêng nên ông Thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bà Lê Thị B, Tòa án gửi Thông báo thụ lý và giấy triệu tập hợp lệ nhưng bà vẫn không có mặt. Tòa án đã về trực tiếp gia đình bà để làm việc, bà Bình có quan điểm: Việc xin ly hôn là việc của ông T, bà không liên quan, bà đã nhận được các giấy tờ của tòa án qua đường bưu điện, cũng như gửi trực tiếp nhưng bà từ chối làm việc, tòa án muốn giải quyết như thế nào là việc của tòa án. Tòa án đã thông báo và tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải, cùng các giấy triệu tập của tòa án nhưng bà từ chối nhận, bà cho biết sẽ không đến tòa án theo giấy triệu tập của tòa, không làm việc với tòa án. Ông T xin ly hôn tùy tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 21, 26 BLTTDS. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình: Xử lý hôn giữa ông Vũ Duy T và bà Lê Thị B. Các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân, không xem xét giải quyết.

Do việc bà B mặc dù đã được tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hoà giải được (Theo Khoản 1 Điều 207 BLTTDS) và đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn (Điều 228 BLTTDS).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tình cảm: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Hôn nhân giữa ông Vũ Duy T và bà Lê Thị B được xác lập năm 1976 là hôn nhân hợp pháp. Ông bà chung sống hạnh phúc được khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tổ dân phố đã nhiều lần hòa giải nhưng cuộc sống vợ chồng cũng không được cải thiện, hai người không tự giải quyết triệt để những mâu thuẫn, không có biện pháp hàn gắn tích cực làm cho khoảng cách giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đối với bà B, bà đã biết được việc ông T xin ly hôn, đã được tòa án triệu tập để tham gia tố tụng nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Điều đó chứng tỏ bà không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân giữa ông bà. Xét mâu thuẫn của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của ông T là phù hợp.

[2] Về con chung: Các con ông bà đã trưởng thành và đã có gia đình riêng nên HĐXX không xem xét giải quyết

[3] Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Ông Thành không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật TTDS; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử lý hôn giữa ông Vũ Duy T và bà Lê Thị B.

2. Ông Thành phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BB/2012/08406 ngày 07/11/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Y, ông T đã nộp đủ.

Ông T được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà B được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự (Nguyên đơn, bị đơn). Người phải thi hành án (Nguyên đơn, bị đơn) có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

(Đã ký)

CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Tâm

